

TẠP CHÍ

ISSN 1859 - 0810

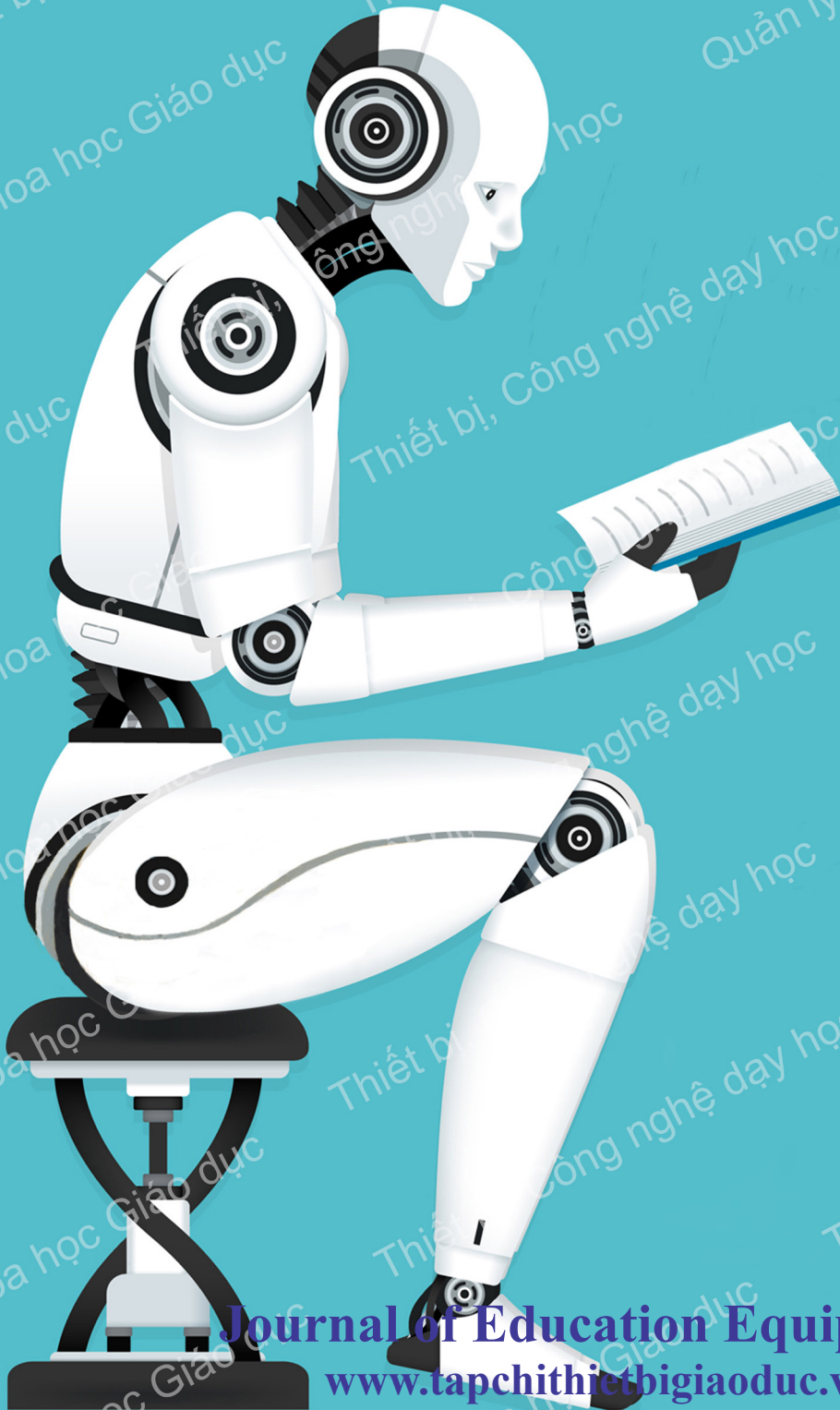


Thiết bị Giáo dục

CƠ QUAN CỦA HIỆP HỘI THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

THÁNG 11 - 2025

TẠP CHÍ Thiết bị Giáo dục



Journal of Education Equipment

www.tapchithietbigiaoduc.vn

ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT THEO NHU CẦU, SỞ THÍCH NGƯỜI HỌC TẠI ĐẠI HỌC HUẾ VỚI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHÁC¹

COMPARE THE PHYSICAL EDUCATION CURRICULUM ACCORDING TO THE NEEDS AND INTERESTS OF STUDENTS AT HUE UNIVERSITY WITH OTHER UNIVERSITIES

Nguyễn Long Hải*, Nguyễn Thị Mùi*, Phạm Đức Thạnh*, Trần Thanh Tú*

*ThS. Khoa Giáo dục Thể chất - Đại học Huế

Received: 2/11/2025; Accepted: 10/11/2025; Published: 17/11/2025

Tóm tắt: Cải tiến chương trình môn Giáo dục thể chất (GDTC) là khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục. Việc đối sánh chương trình môn học giáo dục thể chất theo nhu cầu, sở thích người học tại Đại học Huế với các trường đại học khác đã chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt, giúp những người thực hiện nhiệm vụ cải tiến chương trình môn GDTC xác định các ưu điểm và nhược điểm của chương trình hiện hành, làm cơ sở để cải tiến chương trình môn học GDTC tại Đại học Huế. Trong nghiên cứu này, bài báo tiến hành so sánh chương trình môn GDTC theo nhu cầu, sở thích người học tại Đại học Huế với chương trình môn GDTC của Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Tây Nguyên.

Từ khóa: chương trình môn học, đối sánh, Giáo dục thể chất, Đại học Huế.

Abstract: Improving the Physical Education (PE) subject program is an essential step in ensuring the training quality of educational institutions. Comparing the PE subject program according to the needs and interests of learners at Hue University with other universities has pointed out similarities and differences, helping those who carry out the task of improving the PE subject program to identify the advantages and disadvantages of the current program, as a basis for enhancing the PE subject program at Hue University. This study compares the PE curriculum at Hue University with those of Da Nang University and Tay Nguyen University.

Keywords: subject program, comparison, Physical Education, Hue University.

1. Đặt vấn đề

Đổi mới giáo dục là vấn đề cấp thiết hàng đầu nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội ngày nay. Giáo dục thể chất (GDTC) là nội dung giáo dục quan trọng, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục người học phát triển toàn diện. Việc thiết kế chương trình môn GDTC có chất lượng, đáp ứng nhu cầu xã hội sẽ giúp đào tạo được những sinh viên (SV) phát triển toàn diện, góp phần thực hiện tốt công tác GDTC và các hoạt động thể thao trong nhà trường. Trong quá trình đánh giá và cải tiến chương trình môn GDTC, việc đối sánh chương trình môn GDTC với các trường đại học khác là việc làm cần thiết, giúp chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt để làm cơ sở cho việc thực hiện cải tiến chương trình môn GDTC tại Đại học Huế. Trong bài báo này, chúng tôi tiến hành so sánh chương trình môn GDTC theo nhu cầu, sở thích người học tại Đại học Huế với chương trình môn GDTC của Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Tây Nguyên.

¹ **Nguồn bài báo:** Bài báo được trích từ đề tài “Nghiên cứu điều chỉnh nội dung chương trình môn học Giáo dục thể chất theo nhu cầu, sở thích người học tại Đại học Huế theo hình thức giảng dạy trực tiếp kết hợp trực tuyến”. Mã số: GDTC/2024-1. Chủ nhiệm đề tài: ThS. Nguyễn Long Hải

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, đề tài đã sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp thảo luận nhóm trọng tâm (Focus group discussion); Phương pháp phỏng vấn và Phương pháp toán học thống kê.

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. Một số khái niệm liên quan

3.1.1. Khái niệm so sánh

Theo Từ điển Tiếng Việt (2003): “Đối sánh (hay so sánh) là nhìn vào cái này mà xem xét cái kia để thấy sự giống nhau, khác nhau hoặc sự hơn kém”.

Nguyễn Tiến Đạt (2023): “Đối sánh/so sánh nghĩa là nhìn vào cái này mà xem xét cái kia để thấy sự giống nhau, khác nhau và sự hơn kém. So sánh trong giáo dục nghĩa là xem xét, phân tích và giải thích những sự giống nhau và khác nhau giữa hai hiện tượng hoặc hai cơ sở giáo dục và đào tạo hay ở phạm vi rộng hơn. Những sự giống nhau và khác nhau đó dĩ nhiên phải liên quan đến đối tượng tương ứng nhưng đặt trong các bối cảnh khác nhau”.

Như vậy có thể khái quát việc đối sánh các chương trình môn học là việc xem xét hai hoặc nhiều chương trình liên quan để thấy sự giống nhau, khác nhau giữa các chương trình môn GDTC của các đơn

vị đào tạo khác nhau.

3.1.2. Thành phần của một chương trình đào tạo hay một chương trình môn học

Thành phần của một chương trình đào tạo/ chương trình môn học là một nhóm học phần (môn học) và các hoạt động học tập, nghiên cứu khác có đặc điểm chung về chuyên môn; có vai trò rõ nét trong thực hiện một nhóm mục tiêu và yêu cầu đầu ra của chương trình đào tạo.

3.2. Xác định các chương trình môn học và nội dung để đối sánh với chương trình môn Giáo dục thể chất của Đại học Huế

3.2.1. Xác định các chương trình đào tạo ở trong nước để đối sánh với chương trình môn GDTC của Đại học Huế

Khi xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, việc tham khảo, đối sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành đã được kiểm định của các cơ sở đào tạo có uy tín ở trong nước và nước ngoài là yêu cầu bắt buộc (Điều 17, thông tư 17/TT-BGDĐT). Mục đích của công việc này nhằm yêu cầu các nhà xây dựng, cải tiến CTĐT phải tiến hành so sánh, đối chiếu CTĐT đang xây dựng, cải tiến với các CTĐT cùng ngành ở trong và ngoài nước. Việc so sánh sẽ tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa các CTĐT, từ đó giúp những người làm công tác xây dựng, cải tiến CTĐT có cơ sở đưa ra các quyết định về các nội dung liên quan khi thực hiện công việc.

Trên cơ sở đó, để việc cải tiến chương trình môn GDTC tại Đại học Huế đạt hiệu quả cao, đồng thời để kết quả đối sánh mang đến một góc nhìn đa chiều, chúng tôi tiến hành so sánh chương trình môn GDTC của Đại học Huế với chương trình môn GDTC của Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Tây Nguyên

3.2.2. Xác định thành phần và nội dung so sánh chương trình môn GDTC của Đại học Huế với các chương trình môn GDTC của các đơn vị khác

Từ kết quả phân tích các chương trình môn GDTC ở trong và ngoài nước, chúng tôi nhận thấy các chương trình đều được chia ra làm các phần: Mục tiêu, chuẩn đầu ra, khối lượng kiến thức, nội dung môn GDTC.

3.3. Đối sánh Chương trình môn GDTC theo nhu cầu, sở thích người học tại Đại học Huế với Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Tây Nguyên

Từ kết quả đối sánh chương trình môn GDTC theo nhu cầu, sở thích người học tại Đại học Huế với chương trình môn học GDTC của Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Tây Nguyên, bài báo có một số kết luận như sau:

- Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình môn GDTC theo nhu cầu, sở thích người học tại Đại học Huế được xây dựng rất chi tiết, cụ thể và đầy đủ cả mục tiêu và CDR, trong khi đó 2 chương trình còn lại chỉ có mục tiêu chung, không có mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra.

Đại học Huế	Đại học Đà Nẵng	Trường ĐH Tây Nguyên
Mục tiêu		
1.1. Mục tiêu chung Chương trình môn học Giáo dục thể chất (GDTC) nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục thể thao thường xuyên để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tâm vóc, phát triển hài hòa về thể lực và tư duy, có thể chất cường tráng, đáp ứng được nhu cầu, sở thích tập luyện môn thể thao yêu thích, tạo nền móng vững chắc cho sự phát triển bền vững, lâu dài đối với sức khỏe, thể chất và trí tuệ, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện đáp ứng theo yêu cầu của xã hội.	Chương trình môn học GDTC nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập TDTT thường xuyên để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tâm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.	Chương trình môn học GDTC nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập TDTT thường xuyên để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tâm vóc, hoàn thiện nhân cách, tu dưỡng đạo đức, tạo niềm vui, phấn khởi từ đó nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Thông qua các hoạt động GDTC để thúc đẩy phong trào tập luyện TDTT trong toàn trường
Chuẩn đầu ra		
2.1. Kiến thức a. Tri thức chuyên môn b. Năng lực 2.2. Kỹ năng a. Kỹ năng cứng b. Kỹ năng mềm 2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm a. Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân b. Trách nhiệm, đạo đức, thái độ	Không có	Không có
Khối lượng kiến thức		
Chương trình gồm 04 tín chỉ GDTC, trong đó 01 tín chỉ bắt buộc và 03 tín chỉ tự chọn	Chương trình gồm 04 tín chỉ GDTC, trong đó 02 tín chỉ bắt buộc và 02 tín chỉ tự chọn	Chương trình gồm 03 tín chỉ GDTC, trong đó 01 tín chỉ bắt buộc và 02 tín chỉ tự chọn

Nội dung môn Giáo dục thể chất		
1. Các học phần bắt buộc		
1. Phương pháp tập luyện TDTT và phát triển tố chất thể lực	1. Điền kinh 2. Thể dục	1. Thể dục cơ bản và điền kinh
2. Các học phần tự chọn		
1. Bóng rổ 1 (cơ bản)	1. Bóng rổ 1	1. Bóng chuyền cơ bản
2. Bóng rổ 2 (nâng cao 1)	2. Bóng chuyền 1	2. Bơi lội cơ bản
3. Bóng rổ 3 (nâng cao 2)	3. Bóng đá 1	3. Cầu lông cơ bản
4. Bóng chuyền 1 (cơ bản)	4. Bóng bàn 1	4. Bóng bàn cơ bản
5. Bóng chuyền 2 (nâng cao 1)	5. Cầu lông 1	5. Thể dục nhịp điệu cơ bản
6. Bóng chuyền 3 (nâng cao 2)	6. Aerobic 1	6. Teakwondo cơ bản
7. Bóng đá 1 (cơ bản)	7. Vovinam 1	7. Bóng đá cơ bản
8. Bóng đá 2 (nâng cao 1)	8. Bóng rổ 2	8. Bóng rổ cơ bản
9. Bóng đá 3 (nâng cao 2)	9. Bóng chuyền 2	
10. Cờ vua 1 (cơ bản)	10. Bóng đá 2	
11. Cờ vua 2 (nâng cao 1)	11. Bóng bàn 2	
12. Cờ vua 3 (nâng cao 2)	12. Cầu lông 2	
13. Bóng bàn 1 (cơ bản)	13. Aerobic 2	
14. Bóng bàn 2 (nâng cao 1)	14. Vovinam 2	
15. Bóng bàn 3 (nâng cao 2)		
16. Cầu lông 1 (cơ bản)		
17. Cầu lông 2 (nâng cao 1)		
18. Cầu lông 3 (nâng cao 2)		
3. Các học phần dành cho sinh viên nhóm sức khỏe yếu		
Không có (Vì đã có chương trình môn GDTC dành cho sinh viên khuyết tật, nhóm sức khỏe yếu được ban hành theo quyết định Quyết định số 279/QĐ-ĐHH ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành chương trình môn GDTC thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng tại Đại học Huế gồm các học phần: (1) Lý luận và phương pháp GDTC trong trường Đại học, thực hành các động tác khởi động; (2) Giảng dạy thực hành Cờ vua); (3) Giảng dạy thực hành Trò chơi vận động; (4) Giảng dạy thực hành Thể dục tay không.	1. Điền kinh 2. Thể dục 3. Bóng bàn. 4. Cầu lông	1. Cờ vua 1 2. Cờ vua 2 3. Cờ vua 3

- Khối lượng kiến thức của chương trình môn GDTC theo nhu cầu, sở thích người học tại Đại học Huế và chương trình môn GDTC của Đại học Đà Nẵng bằng nhau (04 tín chỉ), trong khi đó trường Đại học Tây Nguyên ít hơn với 03 tín chỉ.

- Về nội dung môn học GDTC cả 03 đơn vị đều có 02 phần: nhóm học phần bắt buộc và nhóm học phần tự chọn.

- Cả 03 đơn vị đều có xây dựng các học phần dành cho sinh viên nhóm sức khỏe yếu, trong đó Đại học Huế và Đại học Đà Nẵng triển khai cho sinh viên nhóm sức khỏe học 04 môn khác nhau, trong khi ĐH Tây Nguyên tập trung vào môn cờ vua.

4. Kết luận

Từ kết quả đối sánh Chương trình môn GDTC theo nhu cầu, sở thích người học tại Đại học Huế với chương trình môn GDTC của Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Tây Nguyên, bài báo đề xuất để nâng cao chất lượng hoạt động GDTC của Đại học Huế, trong quá trình cải tiến cần tăng thêm các môn thể thao mà xã hội đang có nhu cầu cao như Pickleball, Yoga, khiêu vũ thể thao, Aerobic, Võ, Bơi... để đáp

ứng nhu cầu và tăng tính hứng thú cho sinh viên khi tham gia học chương trình môn GDTC.

Tài liệu tham khảo

[1]. Bosco, J. (1971). *Curriculum Theory [Review of the book Curriculum Theory (2nd ed.)]*. The Educational Forum, 35(2), 259-260.

[2]. Đại học Đà Nẵng. (2025), *Chương trình môn học Giáo dục thể chất*, Đà Nẵng.

[3]. Trường Đại học Tây Nguyên (2025), *Chương trình môn học Giáo dục thể chất*, Tây Nguyên.

[4]. Nguyễn Tiến Đạt (2023). *Giáo dục so sánh (Quyển 1)*. NXB Bách Khoa Hà Nội.

[5]. Đại học Huế (2019), *Quyết định số 1795/QĐ-ĐHH Quy định về Quy trình xây dựng, thẩm định và công bố Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Huế*, Huế.

[6]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*, Hà Nội.

Phó Tổng biên tập phụ trách

PGS. TS. LÊ PHƯỚC MINH

Hội đồng biên tập

GS. TS. VŨ DŨNG

GS. TS. NGUYỄN THỊ MỸ LỘC

GS. TS. PHẠM HỒNG QUANG

GS. TS. THÁI VĂN THÀNH

GS. TS. NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN

Mr. DANNY GAUCH - HH TBGD THẾ GIỚI

PGS. TS. LÊ PHƯỚC MINH

PGS. TS. PHẠM VĂN SƠN

PGS. TS. NGUYỄN XUÂN THỨC

PGS. TS. Đại tá MAI VĂN HÓA

PGS. TS. DƯƠNG THỊ HOÀNG YẾN

PGS. TS. NGUYỄN VĂN ĐỆ

PGS. TS. BÙI VĂN HỒNG

PGS. TS. THÁI THẾ HÙNG

PGS. TS. LÊ VĂN GIÁO

PGS. TS. PHẠM VĂN THUẬN

PGS. TS. NGUYỄN MẠNH HƯỜNG

PGS. TS. TRẦN THỊ MINH HẰNG

PGS. TS. NGUYỄN NHƯ AN

PGS. TS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

PGS. TS. LÊ HIẾU HỌC

PGS. TS. BÙI VĂN HÙNG

TS. BÙI ĐỨC TỬ

TS. THÁI VĂN LONG

Tòa soạn

P 47, nhà A1, số 68 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng,
TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.36658762; Tel/zalo: 0988775566

Email: tapchitbgd@gmail.com.vn

Website: https://tapchithietbigiaoduc.vn

Tài khoản: 0101613475555

Ngân hàng TMCP Quân đội,

chi nhánh Thăng Long Hà Nội

Giấy phép xuất bản:

Số 21/GP-BVHTTDL Ngày 21/04/2025

của Bộ Văn hóa Thể thao và du lịch

Thiết kế và Chế bản:

Đoàn Ngoan

In tại Công ty TNHH In - Thương mại

và Dịch vụ Nguyễn Lâm

Giá: 120.000đ (Một trăm hai mươi nghìn đồng)

MỤC LỤC

- ♦ Nguyễn Thị Bảo Thư, Ngô Thị Ánh Hằng, Nguyễn Thị Mai Thanh: Thiết bị giáo dục số – Tiếp cận hiệu quả trong dạy học kỹ thuật truyền thông số 1
- ♦ Nguyễn Thanh Nga, Nguyễn Mai Bình Nguyễn: Phát triển năng lực số của học sinh trong dạy học Stem phần “Trái đất và bầu trời” – Khoa học tự nhiên lớp 6 với sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo (AI) 5
- ♦ Phan Trọng Sơn, Ngô Văn Hường: Nghiên cứu thiết kế chế tạo thiết bị mô phỏng hệ thống nhiên liệu trên trục thẳng MI-8 phục vụ huấn luyện kỹ thuật ở Trường Sĩ quan Không quân 8
- ♦ Nguyễn Đình Thư: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo của giảng viên, sinh viên đại học kỹ thuật 11
- ♦ Cao Thị Thảo: Ứng dụng mô hình CDIO trong giảng dạy tại các trường đại học sư phạm kỹ thuật - thực trạng và giải pháp 15
- ♦ Phạm Thị Tuyết: Biện pháp ứng dụng công nghệ AI trong quản lý và bồi dưỡng năng lực số cho giáo viên Trường tiểu học Nguyễn Hiền, Thành phố Cần Thơ 18
- ♦ Huỳnh Lê Ngọc Hiền: Quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học trong bối cảnh chuyển đổi số tại các trường tiểu học công lập phường Phú Định, Thành phố Hồ Chí Minh 22
- ♦ Võ Thị Thu Hà: Phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh tiểu học qua môn Công nghệ 26
- ♦ Nguyễn Thị Anh Hoa, Trần Văn Ánh: Quản lý đào tạo trong bối cảnh chuyển đổi số tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội 29
- ♦ Trần Đình Tâm, Trần Minh Trang, Nguyễn Thống Nhất: Hướng dẫn sinh viên khai thác hiệu quả học liệu số: Vai trò của tổ chức không gian học tập 32
- ♦ Nguyễn Quốc Đạt: Vai trò của tài liệu mở và sách kỹ năng trong hỗ trợ sinh viên ngành Kinh tế Phát triển Toàn diện 35
- ♦ Đinh Thanh Hải, Lê Thị Lan Anh: Nghiên cứu vận dụng kỹ thuật in lưới trong giảng dạy thiết kế bao bì sản phẩm cho sinh viên Ngành Đồ họa tại Trường Đại học Khánh Hòa 38
- ♦ Phạm Đồng Bằng, Nguyễn Thị Nhàn: Xây dựng mô hình thí nghiệm sử dụng phương pháp Hartmann hai chiều khảo sát bề mặt gương cầu trong giảng dạy vật lý thực nghiệm 41
- ♦ Trần Quốc Tuấn: Khai thác hiệu quả phòng máy tính và phần mềm chuyên ngành trong đào tạo công nghệ thông tin ở Trường Đại học Hải Phòng 44
- ♦ Nguyễn Thị Hồng Như: Ứng dụng các phần mềm Canva, Vidu, Adobe, Suno.AI và Plickers trong dạy học toán lớp 3 nhằm tạo hứng thú cho học sinh 47
- ♦ Nguyễn Thị Khánh Minh: Khắc phục các biểu hiện sai lầm của học sinh phổ thông trong giải toán chủ đề bất phương trình Logarit 52
- ♦ Lê Thị Tuyết Trinh, Lê Thị Hoàn: Phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh lớp 4 qua dạy học chủ đề Hình học và Đo lường 55
- ♦ Phan Đầu, Dương Hoàng Phi, Lê Văn Bé: Ứng dụng Visualgo và trí tuệ nhân tạo trong dạy học thuật toán Ford-fulkerson tìm luồng cực đại 59
- ♦ Dương Đình Vinh: Xây dựng bài giảng theo chuẩn đầu ra CDIO nhằm phát triển kỹ năng học thực hành môn Bảo trì gầm ô tô 2 62
- ♦ Phạm Thị Kim Châu, Hồ Thị Hồng Thắm: Dạy học số và phép tính lớp 1 theo hướng trải nghiệm 65
- ♦ Bùi Thị Hương: Dự đoán giá cổ phiếu bằng thuật toán time series phục vụ dạy học môn Khai phá dữ liệu 68
- ♦ Lê Thị Phương Anh, Lê Đăng Nguyễn: Kỹ thuật khai phá dữ liệu nâng cao cho phân tích dự đoán chính xác trong dự đoán các sự kiện 71
- ♦ Nguyễn Thị Diệu Phương, Trương Thị Phương Nhi: Thiết kế nghiên cứu trường hợp trong dạy học môn Khoa học lớp 5 nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học của học sinh 75
- ♦ Lê Thị Tuyết Trinh, Nguyễn Thị Hà: Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Toán lớp 3 79
- ♦ Nguyễn Thu Trang, Bùi Thị Vân Anh, Hà Thị Thùy Dương, Nguyễn Thị Thuý: Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học bài “Đo độ dài (xăng-ti-mét)” môn Toán lớp 2 83
- ♦ Phạm Thị Kim Châu, Nguyễn Trang Sử Ngọc: Phát triển tư duy logic cho học sinh lớp 4 qua dạy học nội dung số và phép tính 86
- ♦ Phạm Thị Kim Châu, Châu Thành Sang: Dạy học nội dung hình học và đo lường trong môn Toán lớp 3 theo lý thuyết kiến tạo 89

♦ Phạm Thị Minh Nụ: Tích hợp giáo dục địa phương trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội cho học sinh lớp 2 trên địa bàn Thành phố Hải Phòng	92
♦ Nguyễn Thị Thu Hương: Khai thác ứng dụng Chat GPT trong giảng dạy và học tập chuyên đề lịch sử Việt Nam giai đoạn 1946 – 1954, môn Lịch Sử - Địa Lý lớp 9 tại Trường Phổ thông thực hành chất lượng cao Nguyễn Tất Thành, Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình	95
♦ Trần Thái Sơn, Nguyễn Văn Tài: Phương pháp thể hiện ca khúc mang âm hưởng dân ca cho sinh viên cao đẳng thanh nhạc tại Trường Đại học Khánh Hòa	98
♦ Hồ Phước An: Xây dựng bảo tàng ảo trong dạy học lịch sử ở Trường phổ thông thực hành sư phạm An Giang hiện nay	101
♦ Lê Thị Thảo Nhiên, Hồ Thanh Hải: Kết hợp phương pháp tình huống với phương pháp đóng vai trong dạy học môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật ở Trường trung học phổ thông Phan Châu Trinh, thành phố Đà Nẵng	104
♦ Hoàng Trung Thông, Huỳnh Thị Hồng Vy, Nguyễn Khang Nhi, Nguyễn Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Thủy Tiên: Vận dụng mô hình dạy học kết hợp vào dạy học đạo đức lớp 5	108
♦ Nguyễn Bích Hằng: Hướng dẫn sinh viên mầm non thực hành vỗ đệm tiết tấu trong học phần Phương pháp Giáo dục âm nhạc	112
♦ Nguyễn Huy Bình: Dạy học ký âm cho sinh viên Ngành Âm nhạc Trường Đại học Đồng Tháp	115
♦ Phan Thị Thanh Hương, Phạm Thị Hoài, Nguyễn Thị Phương, Vũ Quốc Toàn: Tạo lập không gian giáo dục mở cho học sinh, sinh viên Ngành Du lịch - Dịch vụ: Mô hình câu lạc bộ “Học sinh sinh viên năng động và sáng tạo”	118
♦ Hoàng Thị Hải Yến: Phát triển vốn từ cho trẻ 3-4 tuổi thông qua các hoạt động ngoài trời ở trường mầm non	122
♦ Lê Thị Thu Thủy: Ảnh hưởng của phong cách học tập đến quá trình học Môn Tâm lý học kỹ thuật của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	126
♦ Trần Thị Xoan: Phát triển năng lực thẩm mỹ và kỹ năng thực hành mỹ thuật cho học sinh tiểu học qua phương pháp giảng dạy tích hợp tại Trường Đại học Hà Tĩnh	130
♦ Lê Ngọc Phương, Trần Thị Phi Hằng: Thực trạng tác động của dạy học trực tuyến đến hiệu quả học tập Môn Tâm lý học Xã hội với sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	133
♦ Phan Thị Vân Quyên: Sử dụng bài đánh giá xác thực cho môn học Ngôn ngữ - Văn hóa - Xã hội	136
♦ Hà Thu Thủy, Vương Thu Huyền, Nguyễn Thị Lê: Vận dụng mô hình CFB trong dạy học viết văn miêu tả cho học sinh lớp 3 qua bộ sách tiếng Việt “Kết nối tri thức với cuộc sống”	139
♦ Nguyễn Diệp Ngọc, Nguyễn Thị Hương, Hà Thị Thắm, Nguyễn Thị Minh Nguyệt: Tích hợp nội dung giáo dục công dân toàn cầu trong dạy học Môn Đạo đức cho học sinh tiểu học	143
♦ Bùi Thị Kim Ngân: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhằm cải thiện kỹ năng viết tiếng Anh của sinh viên không chuyên tại Đại học Quốc gia Hà Nội	146
♦ Phạm Thị Kim Anh: Phương pháp dạy kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh hiệu quả tại Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội	149
♦ Nguyễn Thị Thu Hoa: Tác động của việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) đối với hiệu quả học tập học phần tiếng Anh 2 của sinh viên khối kỹ thuật Trường Đại học Đồng Nai	153
♦ Đỗ Ngọc Bích, Trần Thị Thanh Tâm, Lê Thị Kim Thư: Thực trạng mức độ sử dụng mạng xã hội của sinh viên Khoa Du lịch và Ngoại ngữ, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	156
♦ Nguyễn Mai Hoa: Những rào cản trong việc triển khai phương pháp học theo dự án trong giảng dạy kỹ năng nói ở bậc đại học	159
♦ Nguyễn Thị Dung: Tìm hiểu thói quen tự học tiếng Anh và việc sử dụng công nghệ hỗ trợ học tập của sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành tiếng Anh Trường Đại học Ngoại ngữ	162
♦ Lê Thị Hoàn: Tăng tính tự chủ học viết tiếng Anh trong kỷ nguyên AI	165
♦ Nguyễn Thị Hồng Châu: Đánh giá giáo trình Startup 3 & 4 (pearson) trong giảng dạy tiếng Anh B1 cho sinh viên văn bằng 2 (học phần 2) tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội	168
♦ Phạm Thị Thu Huyền: Ứng dụng phương pháp lặp lại ngắt quãng trong học từ vựng tiếng Anh cho sinh viên Việt Nam	171
♦ Hoàng Thùy Hương: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy tiếng Anh: những chuyển động thầm lặng trong lớp học Việt Nam	174
♦ Phan Thị Mai Hoa: Nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng tới sự gắn bó của đội ngũ giảng viên trẻ khi công tác tại các trường đại học công lập	177
♦ Tran Ngọc Sơn: Analysis of current situation and solutions to improve the effectiveness of chinese language teaching at university level in Vietnam	180
♦ Nguyen Thi Thuy Nga: Integrating ai technology into project-based learning to enhance language engagement and creativity among 11th graders: a case study at Nguyen Xuan on high school	184
♦ Mã Thị Minh Thư: Some major factors for successful language learning	188
♦ Nguyễn Thị Thanh An: The effectiveness of listening to English news in improving listening skills of a1 university learners	191
♦ Đoàn Thị Hiền: Perceptions of Vietnamese adult learners on causes of sound confusion in English word-level pronunciation	194
♦ Nguyen Thi Minh Hai, Hoang Thi Hai Yen, Nguyen Thi Mai, Tran Thanh Huyen, Nguyen Minh Ngoc: Manufacturing a crisis of beauty: a critical discourse analysis of the representation of vietnamese pageants in online media	197

◆ Lê Thị Tuyết Nga: The use of games in teaching English to students in the institute of international training at Thuongmai University	201
◆ Hoang Yen Nguyen: The interference of first language to sounds articulation of esl learners	204
◆ Nguyen Thi Thanh Huyen: Enhancing intercultural communicative awareness of lower secondary schools through English lessons	207
◆ Nguyễn Quỳnh Mai: Investigating shadowing technique utilization in speaking class: a case in Vietnam	210
◆ Nguyen Tran Ai Duy: Note-taking: a lost activity at level B1?	214
◆ Nguyễn Thị Thu Hoa: Application of english songs to enhance vocabulary on the topics “free time” and “places” in the course of English 1 for business administration students at Dong Nai University	218
◆ Lê Mai Hương: Phát triển năng lực phân tư cho giáo viên tiếng anh mới vào nghề thông qua giám sát cộng tác và giám sát có lựa chọn	221
◆ Nguyễn Thị Thu Trang: Vai trò của Podcast trong việc nâng cao kỹ năng nghe tự chủ	224
◆ Đào Thị Phương: Đối chiếu động từ “Sợ” trong tiếng Việt và “Fear” trong tiếng Anh	227
◆ Nguyễn Thị Thủy: So sánh đối chiếu nhóm từ “sự, việc, cuộc, nỗi, niềm” trong tiếng việt và tương đương trong tiếng Anh	230
◆ Hoàng Minh Nguyệt: Nâng cao năng lực sử dụng cụm từ cố định trong giảng dạy tiếng Anh	233
◆ Hoàng Trà My: Phân tích ẩn dụ niệm quan điểm của sinh viên về vai trò của giáo viên trong dạy học viết trực tuyến	236
◆ Dương Thị Kim Hằng: Nâng cao kỹ năng viết bài luận của sinh viên năm hai chuyên ngành tiếng Trung Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	239
◆ Nguyễn Thị Thu Hằng: Kỹ năng viết tiếng Anh – góc nhìn của sinh viên trình độ B1 ở Trường Đại học Việt Nhật	242
◆ Vũ Phương Lan: Vai trò của động lực trong học tiếng Anh trực tuyến – Nghiên cứu đối với sinh viên môn tiếng anh B1 LMS tại Đại học Quốc gia Hà Nội	245
◆ Vũ Thị Việt Hương: Ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR) trong giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh theo tình huống cho sinh viên không chuyên	248
◆ Lê Minh: Nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ Trường Đại học Thủ đô Hà Nội: Thực trạng và định hướng phát triển	251
◆ Phạm Thị Phương Thảo: Xây dựng bài giảng số tiếng Nhật theo mô hình dạy học kết hợp: Kinh nghiệm triển khai tại khoa Tiếng Nhật Trường Đại học Ngoại thương	254
◆ Đỗ Thị Thu Hiền, Nguyễn Thu Giang: Hiện trạng và định hướng phát triển giáo trình tiếng Hán tại Việt Nam: Nhìn từ góc độ bản địa hóa	258
◆ Nguyễn Thị Hương: Động lực tương tác trong bài thi nói IELTS: Cấu trúc và chiến lược thành công	261
◆ Hoàng Thanh Vân: Khai thác công cụ số trong giờ học tiếng Pháp: Kinh nghiệm từ các lớp song ngữ bậc tiểu học	265
◆ Phạm Đình Quý, Vũ Văn Huế: Vai trò của võ thuật trong giáo dục nhân cách và hình thành bản lĩnh văn hóa Việt Nam	268
◆ Vũ Mạnh Tráng: Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục thể chất cho sinh viên tại Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên	271
◆ Phạm Thị Mai, Nguyễn Đăng Hào: Đánh giá tính khoa học và tính thực tiễn của chương trình Môn học Giáo dục Thể chất tại Đại học Huế sau điều chỉnh	274
◆ Nguyễn Long Hải, Lê Cát Nguyễn, Nguyễn Thị Mùi: Đánh giá chương trình Môn Giáo dục Thể chất tại Đại học Huế dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan	277
◆ Nguyễn Thị Kim Nhung, Trương Minh Hải: Biện pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường học tại trường trung học phổ thông Phan Chu Trinh thành phố Đà Nẵng	280
◆ Nguyễn Thị Xuân Trang: Biện pháp quản lý hoạt động đánh giá sự phát triển thể chất của trẻ 5 - 6 tuổi ở các trường mầm non tư thực Phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh	283
◆ Nguyễn Long Hải, Nguyễn Thị Mùi, Phạm Đức Thạnh, Trần Thanh Tú: Đối sánh chương trình Môn Giáo dục Thể chất theo nhu cầu, sở thích người học tại Đại học Huế với các trường đại học khác	287
◆ Nguyễn Thị Thu Hiền: Rèn luyện kỹ năng ứng xử sư phạm cho sinh viên ngành Sư phạm Công nghệ thông qua giảng dạy Môn Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh	290
◆ Nguyễn Văn Tráng, Nguyễn Thị Mai Hoa: Vận dụng phương pháp giải quyết vấn đề trong dạy học tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên Ngành Giáo dục Mầm non tại Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu	293
◆ Nguyễn Thị Anh Đào, Phạm Thị Bích Ngọc, Mai Thị Thanh Châu: Nghiên cứu về ngoại giao của Hồ Chí Minh phục vụ cho công tác giảng dạy Học phần Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam thời kỳ 1945 – 1946	297
◆ Vũ Tiến Dũng: Vai trò của giáo dục chính trị, tư tưởng trong xây dựng bản lĩnh chính trị, nhân cách và sức mạnh tổng hợp của học viên trong các nhà trường quân đội hiện nay	300
◆ Ngô Kiều Hưng: Nâng cao chất lượng giảng dạy Môn Quân sự trong các trường công an nhân dân: Yếu tố then chốt xây dựng người chiến sĩ công an cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại	303
◆ Trần Mạnh Nguyên: Giáo dục tinh thần yêu nước theo Tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Trường Đại học Tây Bắc	306
◆ Nguyễn Thị Linh Huyền: Đổi mới phương pháp dạy học các Môn Lý luận chính trị ở Trường Đại học Tây Bắc hiện nay	309

- ◆ **Đàm Trung Đức:** Vận dụng Nghị quyết Trung ương 8 (khoá XIII) về chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới xây dựng nền quốc phòng, an ninh tại khu vực Tây Bắc 312
- ◆ **Đỗ Huyền Trang, Nguyễn Phương Thảo:** Tìm hiểu một số quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên phục vụ giảng dạy Học phần Pháp luật cho trình độ trung cấp tại Trường Cao đẳng Thái Nguyên 315
- ◆ **Lê Thị Tùng Dương:** Hiệu quả chương trình giảng dạy đối với kỹ năng và thái độ của sinh viên Trường Đại học Điện lực sau chương trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh học kỳ 1 năm học 2024–2025 318
- ◆ **Nguyễn Thanh Hà:** Giáo dục ý thức bảo vệ tổ quốc cho sinh viên hiện nay thông qua giảng dạy môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh tại Trường Cao đẳng Công thương Thành phố Hồ Chí Minh 321
- ◆ **Nguyễn Văn Minh, Bùi Mạnh Dương:** Giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học nội dung kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK cho sinh viên Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội 324
- ◆ **Nguyễn Thị Minh Hương:** Tăng cường bản lĩnh cho sinh viên Việt Nam trước chiến lược “Diễn biến hòa bình” hiện nay 327
- ◆ **Ngô Văn Thùy:** Quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực số cho giảng viên ở các nhà trường quân đội đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục 330
- ◆ **Hoàng Thị Giang:** Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết học tập của sinh viên đại học 334
- ◆ **Nguyễn Đăng Thông, Dương Thị Tuyết Mai:** Thực trạng và các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và cán bộ viên chức tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh 338
- ◆ **Trần Ngọc Nam, Dương Huỳnh Minh Nhựt, Nguyễn Ngọc Minh Thông:** Xây dựng mô hình thực hành máy điều hòa áp trần Daikin tích hợp hệ thống chẩn đoán và xử lý lỗi 341
- ◆ **Nguyễn Thị Kim Oanh:** Thực trạng thiếu giáo trình ngành Thương mại điện tử tại Việt Nam và giải pháp phát triển nguồn học liệu mở 344
- ◆ **Chu Thị Thu Hương:** Giải pháp ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu trong các trường phổ thông 347
- ◆ **Nguyễn Viết Mạnh:** tích hợp mục tiêu phát triển văn hóa vào quy hoạch sử dụng đất: cơ sở lý luận, pháp lý và ý nghĩa đối với giảng dạy quản lý đất đai 350
- ◆ **Đinh Thị Nga Phương:** Vai trò của môn Pháp luật đại cương đối với sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh 353
- ◆ **Võ Thị Trang:** Một số định hướng phát triển năng lực cho giáo viên trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế 356
- ◆ **Trần Đình Linh:** Đánh giá hiệu quả và thách thức thực thi chỉ tiêu giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực chất thải tại Việt Nam 359
- ◆ **Trần Thanh Hải:** Tính tất yếu và các giải pháp đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập nghệ thuật theo định hướng khoa học, thực tiễn, sáng tạo và hiện đại 362
- ◆ **Trần Đình Linh, Chu Thị Thu Hương:** Đánh giá số ngày nghỉ học dự kiến theo ngưỡng nhiệt độ: Phân tích dữ liệu nhiệt độ tối thấp khu vực miền núi phía bắc 365
- ◆ **Lê Thị Tuyết Trinh, Nguyễn Thị Thu Thảo:** Vận dụng lý thuyết kiến tạo vào dạy học số và phép tính cho học sinh lớp 3 369
- ◆ **Nguyễn Thị Hiền:** Thực trạng năng lực hợp tác giải quyết vấn đề của sinh viên Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh 373
- ◆ **Lê Đình Toàn, Đồng Văn Toàn:** Thực trạng kỹ năng làm việc nhóm của học sinh ở Trường trung học cơ sở Trần Phú, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh 376
- ◆ **Đoàn Thị Kiều Oanh, Bùi Trường Xanh:** Quản lý công tác giáo dục đạo đức học sinh ở Trường phổ thông thực hành sư phạm An Giang trong bối cảnh hiện nay 380
- ◆ **Đào Thị Hồng, Nguyễn Đình Cơ:** Yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp trong hoạt động học tập trên lớp của học viên Trường Chính trị tỉnh Gia Lai 383
- ◆ **Trần Thị Mai:** Thay đổi phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá kết quả học tập đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong dạy học tại Đại học Phenikaa 386
- ◆ **Hoàng Thị Minh:** Thay đổi thói quen mua sắm và lựa chọn sản phẩm của người tiêu dùng trong bối cảnh phát triển kinh tế tuần hoàn của doanh nghiệp tại Việt Nam 389
- ◆ **Nguyễn Như Linh:** Kinh nghiệm quản lý tốc độ lưu thông của các loại phương tiện khi tham gia giao thông đường bộ của các nước trên thế giới và bài học đối với Việt Nam 392
- ◆ **Phan Huỳnh Như Ngọc:** Biện pháp phát triển văn hóa học đường tại các trường trung học cơ sở xã Cù Chi, thành phố Hồ Chí Minh 395
- ◆ **Trần Biên Thùy, Phạm Thị Thịnh:** Tổng quan về khai thác dữ liệu và các ứng dụng cơ bản 399
- ◆ **Võ Khương Duy:** Văn hóa ứng xử trên không gian mạng trong thời đại số: Giải pháp giáo dục học sinh trong nhà trường 402
- ◆ **Hồ Thanh Hải:** Đào tạo giáo viên giảng dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay 405
- ◆ **Vương Khả Anh, Trường Xuân Nguyên:** Nâng cao hiệu suất từ tính của vật liệu băng nguội nhanh nền MN có sự pha tạp của SN 408
- ◆ **Phạm Kim Ngân:** Biện pháp quản lý hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp ở các trường trung học phổ thông xã Bình Chánh và Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh 412
- ◆ **Nguyễn Khắc Phú, Hoàng Hữu Tân:** Đào tạo lái xe và an toàn giao thông: bằng chứng nghiên cứu và định hướng áp dụng tại Việt Nam 416